

Bản án số: 851/2024/HC-PT
Ngày 13 – 8 – 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về
đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 334/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2497/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1953. (*Vắng mặt*)

2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1968. (*Vắng mặt*)

3. Ông Dương Văn M, sinh năm 1965. (*Vắng mặt*)

4. Ông Lưu Văn Q, sinh năm 1967. (*Vắng mặt*)

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944. (*Vắng mặt*)

6. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970. (*Vắng mặt*)

7. Ông Dương Văn V, sinh năm 1950. (*Vắng mặt*)
8. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1948. (*Vắng mặt*)
9. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1977. (*Vắng mặt*)
10. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1959. (*Vắng mặt*)
11. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947. (*Vắng mặt*)
12. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1942. (*Vắng mặt*)
13. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1950. (*Vắng mặt*)

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của những người khởi kiện ông K, ông M, ông Q, bà T, ông L, ông V, ông L1, ông T1, bà M1, bà N, bà Đ, ông C: Ông Nguyễn Quốc K1, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2023). (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Thanh T2 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện U. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K (Văn bản số 03/GUQ-UBND ngày 20/6/2023). (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Trần Bé T3, sinh năm 1984. (*Vắng mặt*)
3. Bà Nguyễn Thị Thúy Đ1, sinh năm 1990. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Dương Thị Hồng T4, sinh năm 1968. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Trường G, ông Dương Văn M, ông Lưu Văn Q, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L, ông Dương Văn V, ông Trần Văn L1, ông Võ Văn T1, bà Trần Thị M1, bà Nguyễn Thị N, bà Dương Thị Đ, ông Nguyễn Thành C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Văn K, ông Nguyễn Trường G, ông Dương Văn M, ông Lưu Văn Q, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L, ông Dương Văn V, ông Trần Văn L1, ông Võ Văn T1, bà Trần Thị M1, bà Nguyễn Thị N, bà Dương Thị Đ, ông Nguyễn Thành C (Viết tắt đồng Nguyên đơn) trình bày:

Năm 1990, huyện U có chủ trương cấp đất cho dân, trong đó có các hộ của các ông bà. Vị trí phần đất được cấp: Phía hậu từ kênh K (Kênh H - Kênh cũ) chạy ra đến hết bờ bao L2 ngư trường U Minh III (mặt tiền). Khi nhận đất, gia đình của các hộ ông bà tập trung cải tạo đất để trồng lúa và quản lý sử dụng đến nay. Đến ngày 25/7/1994, được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện U ban hành quyết định số 1235/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) cho 1576 tổ chức, cá nhân thuộc xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Đến năm 1995 các hộ dân được cấp GCNQSDĐ gồm các hộ; trong đó cấp cho ông K diện tích 21.000m², ông G 21.000m², ông M 20.000m², ông Q 24.600m², bà T 45.500m², ông L 8.000m², ông V 19.236m², ông L1 36.600m², ông Võ Văn T1 20.000m², bà Mành 20.000m², ông Trần Văn M2 là chồng bà N 31.000m², bà Đ 3.000m², ông C 30.280m² đều thuộc tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Năm 2002, Nhà nước quy hoạch lộ xe tuyến Cà Mau - U đi qua phần đất của các hộ dân các ông bà (các hộ ông bà không được cung cấp hồ sơ quy hoạch). Khi lộ hoàn thành, Các hộ ông bà còn lại một phần đất thừa ở phía Tây lộ giáp L2 ngư trường U Minh III cũ, có tứ cận: Đông giáp lộ xe Cà Mau - U; Tây giáp kinh Khu B; Nam giáp kinh Rạch Cui; Bắc giáp các hộ liền kề. Phần diện tích còn lại đều nằm trong GCNQSD đất của các hộ các ông bà và được sử dụng 30 năm qua. Nhưng từ khi có lộ đến nay, Nhà nước cho rằng phần đất còn thừa ở phía tây còn lại là của UBND xã K quản lý. Mỗi khi các hộ sử dụng thì bị phạt và cưỡng chế tháo dỡ. Quá bức xúc, ngày 29/6/2019, các hộ dân gửi đơn đến UBND huyện U yêu cầu cho các hộ dân được tiếp tục sử dụng phần đất. Ngày 20/02/2020, Chủ tịch UBND huyện U có Công văn số 544/UBND-NĐ trả lời không chấp nhận yêu cầu của các hộ dân. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét hủy một phần Công văn số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện U (Viết tắt Công văn số 544).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U trình bày: Việc Chủ tịch UBND huyện U ban hành công văn số 544 trả lời không chấp nhận yêu cầu của các hộ dân vì phần đất các hộ dân yêu cầu thuộc đất phạm vi an toàn lộ giới và thuộc đất bảo lưu chân đê thuộc quyền quản lý của nhà nước và chưa cấp quyền sử dụng cho bất cứ cá nhân nào. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng người khởi kiện gồm 13 người dân.

Ông Phạm Văn H người đại diện theo ủy quyền của UBND xã K trình bày: Ngày 04 tháng 02 năm 2008 Ủy ban nhân dân tỉnh C giao đất cho UBND xã K quản lý phần đất tại bản trích đo số 66/BĐ tỷ lệ 1/25.000 do Trung tâm T8 xác lập ngày 22/12/2006 theo Quyết định số 44/QĐ-UBND. Từ thời điểm UBND tỉnh C giao cho UBND xã K quản lý cho đến nay có một số hộ dân cất nhà trên phần đất là hộ ông Trần Quốc T5, UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không thành và một số hộ dân lên trồng cây thì UBND xã đã lập biên bản và báo cáo UBND huyện. Thời điểm hiện tại phần đất trên UBND xã K vẫn quản lý.

Ông Trần Bé T3 trình bày: Năm 2000 cha ông là ông Trần Văn P có chuyển nhượng cho bà Ngô Kim T6 phần đất diện tích 255m² giáp lộ xe U, Cà Mau. Bà T6 chuyển nhượng lại cho bà Dương Thị Khánh N1 có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 12/7/2010. Hiện nay gia đình ông đã chuyển nhượng lại phần đất này (BL 712). Tại Tòa anh T3 xác định cha anh có kê khai 02 phần đất, 01 phần diện tích 2,5ha (BL 39) và 01 phần diện tích theo giấy đăng ký năm 1986 (BL 380), trên phần đất đang yêu cầu khởi kiện là trước đây gia đình anh bà có chuyển nhượng cho bà N1 và sau này gia đình ông đã chuyển nhượng lại của N1 cũng chính diện tích này, việc chuyển nhượng có xác nhận của chính quyền địa phương.

Bà Dương Thị Hồng T4 trình bày: Vào năm 2008 bà chuyển nhượng phần đất chiều ngang 20m, chiều dài 60m, tổng diện tích là 1.200m² của ông Quách Văn H1 và ông Trần Trung K2. Còn phần đất từ lộ Cà Mau - U xuống sông B (kênh B) khoảng 30m² thì chủ đất có ý kiến là bà được sử dụng vì phần đất chưa ai được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất này bà có xây chuồng gà chiều ngang 08m, chiều dài 04m nếu UBND xã K có nhu cầu sử dụng thì bà tháo dỡ chuồng gà trả đất và không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, điểm h khoản 1 Điều 123; Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính; Các điều 5, 8, 97, 208 của Luật Đất đai; Các điều 37, 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 29 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bác yêu cầu khởi kiện của các ông bà: Trần Văn K, Nguyễn Trường G, Dương Văn M, Lưu Văn Q, Nguyễn Thị T, Dương Văn V, Trần Văn L1, Trần Thị M1, Nguyễn Thị N, Dương Thị Đ, Nguyễn Thành C về việc hủy một phần Công văn số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U về việc trả lời đơn yêu cầu của tập thể 26 hộ dân tuyến kênh từ T21-T23 thuộc ấp A, xã K, huyện U.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1, ông Nguyễn Văn L về việc hủy một phần Công văn số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U về việc trả lời đơn yêu cầu của tập thể 26 hộ dân tuyến kênh từ T21-T23 thuộc ấp A, xã K, huyện U.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 07/12/2023, ông Nguyễn Văn L và Võ Văn T1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Cùng ngày, các ông/bà Trần Văn K, Dương Văn M, Lưu Văn Q, Nguyễn Thị T, Dương Văn V, Trần Văn L1, Trần Thị M1,

Nguyễn Thị N, Dương Thị Đ, Nguyễn T7 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ngày 12/12/2023, ông Nguyễn Trường G có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L và Võ Văn T1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do đất cấp cho hộ nhưng không mời tất cả các thành viên vào tham gia tố tụng; khi thẩm định tại chỗ còn có căn nhà của bà H2 (con ông L) nhưng không đưa bà vào tham gia tố tụng; trên đất còn các chuồng gà của người khác cũng không được đề cập đến. Từ đầu ông L, ông T1 có gửi đơn khiếu nại nhưng trong danh sách trả lời đơn của Chủ tịch UBND các cấp đã ghi sót tên hai ông nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét sai sót này của người bị kiện, lại đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông L, ông T1 là không đúng quy định.

Đại diện theo ủy quyền của các ông/bà Trần Văn K, Dương Văn M, Lưu Văn Q, Nguyễn Thị T, Dương Văn V, Trần Văn L1, Trần Thị M1, Nguyễn Thị N, Dương Thị Đ, Nguyễn Thành C yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đương sự này với các lý do: khi đo đất cấp cho dân đã xác định mặt tiền là sát chân đê, không phải đo từ kênh thủy lợi. Đến năm 1995 Nhà nước mới yêu cầu đào kênh thủy lợi ở bờ Đ, hiện nay đã bị cạn. Vị trí đê của Nông lâm trường I trước đây không phải ở vị trí hiện tại mà đã có sự di dời. Năm 1992, lộ xe nằm trên đê bao chứ không phải lộ hiện tại; phần đất ông C, ông T1, bà N2, ông P chuyển nhượng có xác nhận của chính quyền địa phương về việc chuyển nhượng. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND các cấp có vi phạm về thời gian giải quyết, không tiến hành đối thoại, không ban hành quyết định giải quyết mà chỉ ban hành công văn trả lời là trái với quy định tại Điều 30 và 31 Luật Khiếu nại. Công văn số 544/UBND-NĐ ngày 20/03/2020 không thể hiện đầy đủ họ tên người có đơn khiếu nại và những nội dung theo quy chuẩn của giải quyết khiếu nại; sau khi giải quyết khiếu nại không giao văn bản cho người dân. Trong số 6 hộ được đo đất thì Tòa án đã không định hình được chân đê cũ của Lâm trường làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân. Quá trình làm lộ xe UBND huyện không ra quyết định thu hồi đất mà sau đó lại bồi thường nên nhiều hộ dân không đồng ý nhận đền bù và vẫn còn đang khiếu nại.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện U yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp

nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đối với việc vắng mặt của các đương sự là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của đương sự. Riêng trường hợp ông Nguyễn Trường G là người khởi kiện có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trường G.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, những người khởi kiện yêu cầu huỷ một phần Công văn số 544 ngày 03/02/2016 của Chủ tịch UBND huyện U, tỉnh Cà Mau với lý do nội dung công văn không xem xét đến phần đất những người này đã được cấp quyền sử dụng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Về trình tự, thủ tục ban hành công văn đã được thực hiện đúng quy định, đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo khoản 1 Điều 22 Luật Đất đai 2013.

Về nội dung công văn: không chấp nhận khiếu nại của 26 hộ dân – trong đó có 13 người khởi kiện với nội dung được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thuộc đoạn từ Kênh 21 đến Kênh B (phía Tây tuyến lộ Cà Mau - U), không chấp nhận giao phần đất này cho UBND xã K quản lý để trồng cây keo lai gây quỹ cho xã; trường hợp các hộ dân có nhu cầu sử dụng phải thực hiện thủ tục làm đơn xin thuê đất.

Xét Công văn số 544 ngày 03/02/2016 đã được ban hành trên cơ sở Báo cáo số 01/BC-TXM ngày 02/12/2019 của Tổ xác minh 2038 của huyện, trong đó

thể hiện quá trình sử dụng đất của các hộ dân và dữ liệu quản lý đất đai cho thấy:

Năm 1994, Sở Địa chính tỉnh M thực hiện chủ trương cấp GCNQSD đất đồng loạt cho nhân dân trên địa bàn huyện U, trong đó có xã K, thành phần hồ sơ, biểu mẫu đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về đất đai, được UBND huyện U ban hành Quyết định số 1235-QĐ/UB ngày 25/7/1994, trong quyết định này đã cấp GCNQSD đất cho 1.570 cá nhân, trong đó có 13 hộ khởi kiện.

Tài liệu đã thu thập thể hiện phần đất phía tây lộ xe U M3 – Cà Mau (đoạn từ Kênh B đến T) thuộc Ấp A, xã K thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã K.

Tài liệu 299 (năm 1994) và Bản đồ toạ độ năm 2003, UBND huyện U GCNQSD đất cho nhân dân thì phần đất phía bờ tây lộ xe U - Cà Mau không cấp cho người dân, kể cả 13 hộ khởi kiện. Riêng đối với hộ ông Võ Văn T1 đã chuyển nhượng hết đất cho người khác vào năm 2002; trong 26 hộ dân khiếu nại được UBND huyện U giải quyết bởi Công văn 544 không có hộ ông T1 và ông Nguyễn Văn L nên 2 ông không có quyền khởi kiện.

Kết quả đo đạc và thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau thể hiện diện tích yêu cầu của 11 hộ khởi kiện còn lại đều dư so với diện tích được cấp GCNQSD đất.

Như vậy, phần đất 26 hộ dân trong đó có 13 hộ khởi kiện đều không được cấp quyền sử dụng và hiện do UBND xã K quản lý. Công văn 544 được ban hành là có căn cứ.

Do Văn bản đã được ban hành là hợp pháp và có căn cứ nên 13 hộ khởi kiện cho là đất của mình và yêu cầu huỷ một phần Công văn 544 là không phù hợp với quy định của pháp luật, không có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm đã tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1 và Nguyễn Văn L đồng thời không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của 11 hộ dân còn lại là đúng quy định pháp luật và đúng hiện trạng sử dụng, quản lý phần đất có khiếu nại.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Đơn kháng cáo của các đương sự được làm trong thời hạn luật định, hợp lệ. Ông Nguyễn Văn L và Võ Văn T1 kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm do đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của hai ông; những người khởi kiện còn lại kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà với lý do án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, xét xử không đúng với các tài liệu, chứng cứ mà các ông bà đã xuất trình. Về kháng cáo của ông G, Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên. Đối với kháng cáo của những người khởi kiện còn lại: như phân tích trên, quá trình tiến hành tố tụng và kết quả giải quyết của cấp sơ thẩm là đúng quy định. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới nào so với các chứng cứ được thu thập ở giai đoạn sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: do đình chỉ xét xử phúc thẩm với lý do người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt (trường hợp ông Nguyễn Trường G) và kháng cáo không được chấp nhận (đối với những người khởi kiện còn lại) nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 229 Luật Tố tụng hành chính Luật Tố tụng hành chính,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Trường G.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của các ông/bà Trần Văn K, Dương Văn M, Lưu Văn Q, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn L, Dương Văn V, Trần Văn L1, Võ Văn T1, Trần Thị M1, Nguyễn Thị N, Dương Thị Đ, Nguyễn Thành C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, điểm h khoản 1 Điều 123; Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính;

Các điều 5, 8, 97, 208 của Luật Đất đai;

Các điều 37, 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Điều 29 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của các ông bà: Trần Văn K, Nguyễn Trường G, Dương Văn M, Lưu Văn Q, Nguyễn Thị T, Dương Văn V, Trần Văn L1, Trần Thị M1, Nguyễn Thị N, Dương Thị Đ, Nguyễn Thành C về việc hủy một phần Công văn số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U về việc trả lời đơn yêu cầu của tập thể 26 hộ dân tuyến kênh từ T21-T23 thuộc ấp A, xã K, huyện U.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1, ông Nguyễn Văn L về việc hủy một phần Công văn số 544/UBND-NĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U về việc trả lời đơn yêu cầu của tập thể 26 hộ dân tuyến kênh từ T21-T23 thuộc ấp A, xã K, huyện U.

Án phí hành chính phúc thẩm: Các ông Nguyễn Trường G, Dương Văn M, Lưu Văn Q, Nguyễn Văn L, Võ Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0000038, 0000041, 0000042,

0000039, 00000040 cùng ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Các đương sự đã thực hiện xong.

Các ông/bà Trần Văn K, Nguyễn Thị T, Dương Văn V, Trần Văn L1, Trần Thị M1, Nguyễn Thị N, Dương Thị Đ, Nguyễn Thành C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Cà Mau (1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
- ĐS (15);
- Lưu VP(3), HS(2).27b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ